



KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Điện

(Kèm theo thông báo số 54/TB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
-----	---------------	-----------------	--------	-----	---------------------	---------	---------------------	------------------------	---------

1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách

1.1 Bước thời học 10 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp

1	K50HTĐ.01	K145520201247	Nguyễn Đình	Tuấn	15/12/93	2	0	0	
2	K50HTĐ.01	K145520201250	Nguyễn Hoài	Nam	11/01/95	2	10	1	
3	K49TĐ.01	K135520201093	Vũ Văn	Hoàng	24/07/95	3	15	1.4	
4	K49TĐH.01	K125520216004	Hoàng Đỗ	Đạt	07/12/94	4	41	1.56	
5	K49TĐH.03	K125520216279	Ngô Huy	Du	07/01/94	4	47	1.57	
6	K49TĐ.01	K125520201129	Đình Quang	Trung	22/09/94	4	48	2.1	
7	K49KTĐ.01	K125520201018	Nguyễn Hữu	Hà	17/03/94	4	53	1.36	
8	K49TĐH.02	K125520216102	Mac Văn	Tiến	09/09/94	4	56	1.88	
9	K47TĐ.01	DTK1151020229	Nguyễn Duyên	Vũ	19/09/93	5	59	1.64	
10	K48HTĐ.01	DTK1151020322	Vi Quỳnh	Phương	12/09/93	5	74	1.45	

1.2 Bước thời học 21 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ

1	K47TĐH.02	DTK1151020500	Kiểu Ngọc	Dũng	10/10/93	5	115	1.9	
2	K47TĐH.02	0111050045	Nguyễn Đăng	Nam	08/07/87	11	0	0	
3	K47TĐH.02	DTK1151020395	Vũ Văn	Thắng	08/07/93	5	55	1.76	
4	K48TĐH.01	DTK1051020174	Nguyễn Văn	Dương	20/03/92	6	50	1.62	
5	K48TĐH.02	K125520216305	Bùi Huy	Hậu	20/04/93	4	93	2.16	
6	K49HTĐ.01	K125520201010	Trương Tuấn	Anh	31/07/94	4	39	1.67	
7	K49HTĐ.01	K135520201238	Lê Chí	Thành	22/05/95	3	51	1.96	
8	K49KTĐ.01	K135520201015	Nguyễn Văn	Đông	15/04/95	3	13	1.46	
9	K49KTĐ.03	K135520201276	Nguyễn Phi	Hồ	27/08/94	3	45	1.69	
10	K49KTĐ.03	K135520201214	Nguyễn Thị	Hiên	15/12/95	3	40	2.28	
11	K49TĐH.01	DTK1151020095	Nguyễn Bảo	Ngọc	10/06/93	5	20	1.4	
12	K49TĐH.01	DTK1151020040	Hà Huy	Thắng	25/11/93	5	26	1.31	
13	K49TĐH.02	K135520216051	Phan Anh	Tùng	09/10/95	3	25	1.52	
14	K49TĐ.01	K125520201148	Trần Đức	Chung	24/08/94	4	11	1	
15	K50HTĐ.01	K145520201194	Nguyễn Vũ	Hoàng	05/10/96	2	20	1.75	
16	K50HTĐ.01	K145520201035	Nguyễn Quốc	Khánh	02/09/95	2	2	1	
17	K50HTĐ.01	K145520201064	Phạm Minh	Tú	12/01/96	2	23	3.7	
18	K50HTĐ.01	K145520201232	Lý Văn	Tuệ	02/05/93	2	13	1.77	
19	K50HTĐ.01	K145520201243	Vàng A	Vê	28/08/93	2	13	1.69	
20	K50TĐH.02	K145520216249	Vũ Ngọc	Nam	14/02/96	2	12	1	
21	K50TĐH.03	K145520216144	Nguyễn Thị	Chinh	25/12/96	2	2	1	

1.3 Bước thời học 20 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách

1	K47HTĐ.01	DTK1151020177	Nguyễn Trung	Đức	05/02/93	5	131	1.63	
2	K47HTĐ.01	DTK1151020417	Nguyễn Công	Chuyên	03/06/93	5	134	1.62	
3	K47HTĐ.01	DTK1051020021	Nguyễn Văn	Hải	15/01/91	6	106	1.59	
4	K47HTĐ.01	DTK1051020293	Hà Duy	Phương	02/12/92	6	113	1.61	
5	K47HTĐ.01	DTK0951020757	Trịnh Thanh	Phong	19/02/91	7	117	1.79	
6	K47HTĐ.01	DTK1051020481	Nguyễn Văn	Thái	15/09/92	6	122	1.75	
7	K47HTĐ.01	DTK1051020232	Lê Đức	Tùng	01/11/92	6	82	1.39	
8	K47TĐH.03	DTK0951020008	Nguyễn Duy	Đang	06/05/91	7	124	1.78	
9	K47TĐH.03	DTK0951020721	Nguyễn Văn	Chính	10/02/91	7	77	1.58	
10	K47TĐH.04	DTK1051020429	Nguyễn Huy	Đạt	22/03/92	6	119	1.63	
11	K47TĐH.04	DTK1151020261	Phạm Trung	Long	29/04/93	5	105	1.68	
12	K47TĐ.01	DTK1051020558	Trần Thanh	Nam	12/04/92	6	86	1.64	
13	K47TĐ.01	DTK1051020484	Nguyễn Đình	Thọ	18/04/91	6	119	1.55	
14	K48TĐ.01	1141100025	Vừ A	Của	03/05/85	6	91	1.27	
15	K49KTĐ.01	K135520201011	Đặng Quốc	Doanh	21/07/95	3	53	1.36	
16	K49KTĐ.03	K135520201194	Nguyễn Tùng	Anh	11/12/94	3	24	1.21	
17	K49TĐH.02	K135520216340	Hoàng Văn	Sư	11/04/94	3	46	1.26	

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
18	K49TĐH.04	K135520216249	Trần Văn	Phi	02/07/94	3	35	1.49	
19	K49TĐH.04	K135520216250	Lê Gia	Phong	27/05/95	3	64	1.30	
20	K49TĐH.04	K135520216253	Hoàng Văn	Quang	16/12/95	3	31	1.45	

2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét

2.1 Bước thôi học 32 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu

1	K47KTĐ.01	DTK1151020258	Nguyễn Trí	Kiên	19/08/93	5	114	1.48	
2	K48HTĐ.01	DTK1151020064	Lê Tuấn	Anh	11/03/93	5	61	1.44	
3	K48HTĐ.01	K125520201207	Nguyễn Văn	Sang	07/05/93	4	80	1.45	
4	K48TĐH.01	DTK1151020259	Chu Mạnh	Kiên	23/07/93	5	85	1.44	
5	K48TĐH.01	DTK1151020146	Phan Đình	Quân	14/05/93	5	73	1.47	
6	K48TĐH.01	CPC115009	Sieng	Sathavireak	21/12/91	5	108	1.41	
7	K48TĐH.03	DTK1151020391	Bùi Tiến	Quang	10/12/92	5	65	1.6	
8	K48TĐĐ.01	K125520201169	Lê Văn	Đoàn	20/06/94	4	89	1.52	
9	K48TĐĐ.01	K125520201277	Đinh Văn	Phong	27/09/94	4	80	1.35	
10	K49HTĐ.01	K125520201093	Ngọc Văn	Huy	23/06/94	4	40	1.23	
11	K49HTĐ.01	K125520201027	Nguyễn Trung	Kiên	20/08/93	4	57	1.4	
12	K49HTĐ.01	K125520201042	Bùi Hồng	Sơn	10/10/94	4	52	1.42	
13	K49KTĐ.01	K125520201244	Trần Văn	Đức	30/10/93	4	38	1.47	
14	K49KTĐ.01	K125520201134	Nguyễn Đình	Văn	16/02/92	4	53	1.47	
15	K49KTĐ.03	K135520201314	Nguyễn Anh	Tú	07/05/95	3	36	1.31	
16	K49TĐH.01	DTK1151020186	Đỗ Trường	Duy	13/01/93	5	46	1.57	
17	K49TĐH.01	K125520216032	Phạm Duy	Khánh	27/10/94	4	73	1.49	
18	K49TĐH.01	K135520216030	Nguyễn Trung	Kiên	30/12/95	3	46	1.37	
19	K49TĐH.02	K125520216143	Đinh Khắc	Nhật	21/06/94	4	67	1.45	
20	K49TĐH.02	DTK1151020227	Đỗ Hoàng	Việt	22/11/93	5	30	1.83	
21	K49TĐH.03	K135520216144	Nguyễn Văn	Hiền	26/06/95	3	60	1.38	
22	K49TĐH.03	K135520216150	Nguyễn Thanh	Hoàng	15/10/95	3	24	1.25	
23	K49TĐH.04	DTK1151020410	Hoàng Thế	Anh	04/11/92	5	63	1.29	
24	K49TĐH.04	K125520216204	Vũ Việt	Tùng	03/12/94	4	56	1.29	
25	K49TĐĐ.01	K125520201015	Hoàng Lương	Dũng	14/06/94	4	31	1.29	
26	K49TĐĐ.01	K125520201306	Trần Tuấn	Vũ	17/06/91	4	15	1.2	
27	K50HTĐ.01	K145520201089	Hoàng Tuấn	Anh	24/10/96	2	4	1.5	
28	K50TĐH.01	K145520216230	Nguyễn Văn	Cao	06/01/96	2	0	0	
29	K50TĐH.01	K145520216236	Hoàng	Giang	13/02/96	2	3	1	
30	K50TĐH.01	K145520216025	Nguyễn Huy	Hoàng	12/09/96	2	9	1.33	
31	K50TĐH.02	K145520216098	Nguyễn Trọng	Khoa	21/10/96	2	20	1.15	
32	K50TĐH.03	K145520216199	Trần Hà	Vương	16/10/96	2	12	1.25	

2.2 Bước thôi học 03 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu

1	K50TĐH.01	K145520216010	Trịnh Quốc	Cường	12/11/96	2	12	2	
2	K49KTĐ.01	K135520201040	Nguyễn Duy	Lương	28/05/94	3	30	1.5	
3	K49TĐĐ.01	K125520201055	Hoàng Duy	Tùng	09/08/94	4	30	1.47	

2.3 Cứu xét 27 sinh viên thuộc hai diện trên

1	K47HTĐ.01	DTK1151020351	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/93	5	109	1.52	
2	K47HTĐ.01	DTK1151020234	Nguyễn Đăng Tuấn	Anh	15/03/93	5	117	1.62	
3	K47HTĐ.01	DTK1151020208	Tạ Hồng	Thái	23/10/93	5	86	1.6	
4	K47HTĐ.01	DTK1051020329	Nguyễn Tuấn	Vũ	10/10/92	6	123	1.65	
5	K47KTĐ.01	DTK1151020182	Hoàng Văn	Cường	23/09/93	5	117	1.58	
6	K47KTĐ.01	DTK1151020340	Trịnh Văn	Tú	22/02/93	5	113	1.59	
7	K47TĐĐ.01	DTK1051020037	Vũ Đức	Linh	23/09/92	6	105	1.64	
8	K47TĐĐ.01	DTK1151020039	Lê Văn	Tâm	05/11/93	5	95	1.61	
9	K47TĐH.02	DTK1151020356	Nguyễn Văn	Dũng	10/02/92	5	140	2.21	Tự ý bỏ học
10	K48HTĐ.01	DTK1151020465	Hoàng Bá Quang	Tuyến	12/11/93	5	122	1.64	
11	K48TĐH.02	DTK1151020471	Lý Xuân	Trường	06/06/93	5	109	1.69	
12	K48TĐH.03	DTK1151020071	Nguyễn Văn	Dương	10/04/93	5	95	1.64	
13	K48TĐH.03	K125520216287	Đinh Văn	Hương	29/10/94	4	94	1.61	
14	K48TĐĐ.01	1141100024	Vì Văn	Ba	30/07/90	6	90	1.47	
15	K48TĐĐ.01	K125520201016	Nguyễn Văn	Dũng	29/08/94	4	65	1.58	
16	K48TĐĐ.01	K125520201094	Lâm Quốc	Khánh	08/06/94	4	96	1.69	
17	K49HTĐ.01	K125520201008	Nguyễn Tuấn	Anh	16/07/94	4	65	1.74	
18	K49HTĐ.01	K135520201241	Nguyễn Đức	Thắng	20/08/94	3	30	1.9	
19	K49KTĐ.01	K125520201007	Thần Minh	Đức	22/04/93	4	43	1.74	
20	K49KTĐ.01	K135520201089	Tạ Đình	Hiếu	19/07/95	3	43	1.56	

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
21	K49KTĐ.02	K135520201107	Nguyễn Hữu	Thành	07/11/95	3	46	1.83	
22	K49KTĐ.03	K135520201296	Cao Hùng	Sơn	05/10/95	3	43	1.88	
23	K49TĐH.02	K135520216340	Nguyễn Văn	Phương	19/10/94	3	21	1.81	
24	K49TĐH.03	K125520216280	Trương Khắc	Dung	02/03/93	4	60	1.67	
25	K49TĐH.03	K125520216310	Nguyễn Hoàng	Nam	11/04/94	4	46	1.7	
26	K49TBĐ.01	K135520201315	Ngô Thùy	Trang	11/12/95	3	52	1.71	
27	K50TĐH.03	K145520216159	Trần Đức	Hoàng	21/12/96	2	31	1.26	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP


Mai Huy Toàn



TS. Đặng Danh Hoàng

TS. Đặng Danh Hoàng

TS. Đặng Danh Hoàng

KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Điện tử

(Kèm theo thông báo số 57/TB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách									
1.1 Bước thời học 11 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp									
1	K50KMT.01	K145520214008	Lê Hồng	Phong	15/06/95	2	3	1	
2	K50ĐĐK.01	K145520216084	Nguyễn Minh	Hà	23/08/96	2	5	1	
3	K50KĐT.01	K145520207129	Đỗ Văn	Tuấn	27/05/96	2	22	1	
4	K49CĐT.01	K135520114057	Ngô Văn	Tuyển	15/08/95	3	36	1.72	
5	K48CĐT.01	K125520114098	Nguyễn Thế	Thuật	20/03/94	4	27	1.52	
6	K49ĐĐK.01	K125520216260	Trần Văn	Thuấn	06/12/91	4	27	1.48	
7	K48CĐT.01	K125520114040	Hoàng Thọ	Thức	19/12/94	4	34	1.18	
8	K48CĐT.01	K125520114023	Nguyễn Đức	Huy	29/12/94	4	51	1.65	
9	K48CĐT.01	LAOS115007	Phaivanh	Bounphaxayso	10/11/91	5	44	1.2	SV nước ngoài
10	K48ĐĐK.01	DTK1151020244	Trần Khương	Duy	17/02/93	5	45	1.33	
11	K48ĐVT.01	DTK1151030144	Hoàng Văn	Nam	05/03/92	5	78	1.33	
1.2 Bước thời học 23 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ									
1	K47ĐVT.01	DTK1051030209	Nguyễn Minh	Tuyển	26/10/92	6	91	1.68	
2	K47KMT.01	DTK1051030330	Dương Hồng	Phong	20/03/90	6	59	2.08	
3	K47KMT.01	DTK1051030053	Nguyễn Trung	Thành	20/09/92	6	81	1.74	
4	K47KMT.01	DTK0951030280	Trần Văn	Thịnh	14/09/90	7	82	1.67	
5	K48CĐT.01	K125520114036	Nguyễn Quang	Sơn	03/11/94	4	48	1.27	
6	K49ĐĐK.01	DTK1151030097	Ngô Văn	Minh	28/04/93	5	16	1.44	
7	K49ĐVT.01	K135520207039	Hoàng Thị	Sao	12/07/95	3	64	2.41	
8	K49CĐT.01	K135520114020	Trần Văn	Hạnh	21/05/95	3	40	1.8	
9	K49CĐT.01	K135520114130	Phạm Văn	Ngọc	20/06/95	3	44	1.82	
10	K49CĐT.01	K135520114047	Trần Văn	Thùy	10/01/95	3	41	1.59	
11	K49KĐT.01	LAOS115015	Phaipadit	Salapseng	28/03/91	5	13	1	SV nước ngoài
12	K50ĐĐK.01	K145520216146	Nguyễn Tiến	Dũng	24/08/96	2	17	1.47	
13	K50ĐVT.01	K145520207005	Nguyễn Thị	Chinh	05/09/96	2	26	3.15	
14	K50ĐVT.01	K145520207130	Phan Hải	Dương	14/11/95	2	10	1.2	
15	K50ĐVT.01	K145520207012	Đỗ Thị	Hà	04/02/96	2	10	2	
16	K50ĐVT.01	K145520207017	Trần Văn	Hưng	29/05/96	2	13	2.15	
17	K50ĐVT.01	K145520207024	Lưu Thị	Lệ	06/11/96	2	0	0	
18	K50ĐVT.01	K145520207131	Chu Văn	Sơn	14/03/96	2	13	1.38	
19	K50ĐVT.01	K145520207044	Dương Thị Thanh	Thanh	25/07/96	2	13	3.62	
20	K50ĐVT.01	K145520207098	Cà Văn	Thời	19/03/95	2	13	2.08	
21	K50CĐT.02	K145520114115	Đặng Xuân	Vũ	01/08/96	2	12	3	
22	K50KMT.01	K145520214016	Đỗ Như	Bính	06/06/96	2	5	1	
23	K50KMT.01	K145520214002	Nguyễn Văn	Dương	04/07/96	2	3	2	
1.3 Bước thời học 03 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách									
1	K49ĐVT.01	K135520207051	Nguyễn Thành	Đạt	16/04/95	3	43	1.49	
2	K49CĐT.01	K135520114036	Lý Hoài	Nam	03/10/95	3	43	1.21	
3	K48ĐĐK.01	CPC095013	Kanhchana	Vuth	12/01/90	7	110	1.58	
2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét									
2.1 Bước thời học 11 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu									
1	K48ĐĐK.01	DTK1151020012	Trần Thanh	Hải	03/09/93	5	62	1.4	
2	K48ĐVT.01	K125520214005	Vũ Văn	Quý	05/08/93	4	71	1.48	
3	K48CĐT.01	K125520114072	Hoàng Tiến	Đạt	11/12/94	4	51	1.45	
4	K48CĐT.01	K125520114004	Thẩm Hoàng	Anh	19/03/94	4	59	1.36	
5	K48CĐT.01	K125520114057	Dương Văn	Chung	19/02/93	4	31	1.32	
6	K48CĐT.01	K125520114069	Nguyễn Văn	Chung	11/07/93	4	42	1.4	
7	K49KĐT.01	K125520207119	Nguyễn Thế	Hoan	22/10/94	4	24	2.17	

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
8	K50CĐT.01	K145520114019	Tô Trung	Hiếu	11/09/96	2	3	2	
9	K50KĐT.01	K145520207122	Phạm Văn	Khánh	02/09/96	2	21	1	
10	K50KĐT.01	K145520207088	Lý Văn	Tùng	20/02/96	2	15	1.33	
11	K50KMT.01	K145520214005	Nguyễn Việt	Khánh	10/06/96	2	22	1.14	
2.2 Bước thời học 01 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu									
1	K50ĐVT.01	K145520207070	Đỗ Hoàng	Hùng	10/10/96	2	0	0	
2.3 Cấu xét 15 sinh viên thuộc hai diện trên									
1	K47ĐĐK.01	DTK1151030061	Khúc Xuân	Đồng	11/03/93	5	133	1.66	
2	K47CĐT.01	DTK1151010198	Vũ Công	Sơn	16/08/90	5	75	2.93	
3	K47KĐT.01	DTK1051030205	Chu Văn	Trường	19/01/92	6	113	1.66	
4	K48ĐĐK.01	K125520216063	Vũ Đức	Thiện	27/10/94	4	65	1.6	
5	K48ĐĐK.01	DTK1151020172	Đỗ Văn	Việt	04/10/93	5	63	1.62	
6	K48CĐT.01	K125520114071	Dương Văn	Đạt	14/05/94	4	80	1.58	
7	K48CĐT.01	K125520114022	Dương Quang	Huy	11/08/94	4	90	1.66	
8	K48CĐT.01	K125520114087	Trịnh Thanh	Oai	02/08/94	4	77	1.84	
9	K48CĐT.01	K125520114104	Trần Quốc	Trung	10/02/94	4	81	1.8	
10	K48CĐT.01	K125520114108	Nông Quốc	Vương	13/12/93	4	70	1.87	
11	K48KMT.01	DTK1151030283	Nguyễn Việt	Đức	11/05/93	5	100	1.56	
12	K48KMT.01	DTK1151030070	Đặng Tuấn	Cương	15/08/93	5	113	1.58	
13	K48KMT.01	DTK1151030014	Mông Văn	Dũng	03/12/93	5	106	1.58	
14	K49ĐĐK.01	K125520216084	Nông Thế	Trung	09/09/94	4	71	1.68	
15	K49CĐT.01	K135520114077	Đỗ Trọng	Hùng	28/09/94	3	43	1.6	

NGƯỜI LẬP



Mai Huy Toàn

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016



TS. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Đặng Danh Hoàng





QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Cơ khí

(Kèm theo thông báo số 54/ITB-DHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
-----	---------------	-----------------	--------	-----	---------------------	---------	---------------------	------------------------	---------

1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách

1.1 Buộc thôi học 22 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp

1	K50KC.03	K145520103208	Ma Quang	Tiêm	14/06/96	2	0	0	
2	K50KC.04	K145520103237	Trần Song	Cường	17/02/96	2	3	1	
3	K50KC.03	K145520103166	Bàn Văn	Dũng	19/05/96	2	5	1	
4	K50KC.03	K145520103227	Lâm Khắc	Việt	16/12/96	2	5	1.4	
5	K50KC.04	K145520103246	Trần Duy	Hùng	01/01/96	2	5	1	
6	K50KC.03	K145520103195	Ngô Văn	Nghiệp	03/02/95	2	9	1.22	
7	K50KC.04	K145520103304	Đinh Việt	Vũ	23/07/95	2	15	1.13	
8	K50KC.01	K145520103069	Cao Văn	Thu	10/10/96	2	16	1	
9	K50KC.04	K145520103232	Vì Trần	An	23/04/96	2	16	1.38	
10	K50CVL.01	K145520309006	Nguyễn Văn	Vinh	15/06/96	2	30	1.1	
11	K49KTK.01	K135520103254	Ma Tiến	Linh	21/11/95	3	45	1.78	
12	K48KCK.01	K125520103446	Đỗ Xuân	Vương	03/07/93	4	58	1.88	
13	K48CCM.02	K125520103419	Lê Tiến	Trình	20/01/94	4	64	2.19	
14	K48CLK.01	K125520103355	Nguyễn Văn	Hung	11/11/92	4	74	2.11	
15	K49KGT.01	DTK1151010439	Lê Viết	Đạt	26/10/93	5	22	1.77	
16	K48KCK.01	DTK1151010520	Nguyễn Hữu	Thân	17/01/93	5	50	1.62	
17	K48CCM.01	DTK1151010203	Tăng Quốc	Tài	10/09/93	5	58	1.36	
18	K47KCK.01	DTK1151010078	Mai Công	Huế	25/06/93	5	72	1.4	
19	K47CCM.02	DTK1151010204	Nguyễn Minh	Thái	12/05/93	5	74	1.99	
20	K47KCK.01	DTK1151010288	Vũ Ngọc	Hạnh	15/06/93	5	87	1.71	
21	K48CCM.01	DTK1051010489	Trần Văn	Cường	03/03/92	6	63	1.71	
22	K47KCK.01	DTK1051010132	Hứa Duy	Quyển	12/12/92	6	76	1.55	

1.2 Buộc thôi học 31 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ

1	K47CCM.02	DTK1151010077	Lê Văn	Hùng	07/12/93	5	74	2	
2	K47KCK.01	DTK1051010628	Trương Văn	Tú	18/04/92	6	51	1.43	
3	K48CLK.01	DTK1151010125	Ngô Xuân	Hà	07/10/92	5	0	0	
4	K48KCK.01	K125520103064	Nông Văn	Dinh	20/01/94	4	73	1.86	
5	K48KCK.01	DTK1051010673	Ma Khắc	Hoạt	12/10/92	6	63	1.54	
6	K49CCM.01	K135520103083	Ngô Doãn	Đạt	01/11/95	3	57	1.89	
7	K49CCM.02	K135520103129	Hoàng Trọng	Thế	16/06/95	3	45	1.49	
8	K49KGT.01	DTK1151010392	Trần Mạnh	Hải	14/04/92	5	0	0	
9	K49KGT.01	11411110101	Vũ Trọng	Hiếu	08/09/92	5	21	1.33	SV cử tuyển
10	K49KGT.01	K135520103180	Hoàng Mạnh	Huỳnh	12/09/95	3	46	1.57	
11	K49KGT.01	K125520103200	Lê Trung	Kiên	22/05/93	4	5	1.4	
12	K49KGT.01	DTK1151010456	Phạm Văn	Lương	15/06/93	5	0	0	
13	K49KGT.01	K125520103376	Dương Văn	Phẩm	20/08/94	4	23	1.74	
14	K49KGT.01	DTK1151010035	Trần Văn	Phường	08/02/93	5	26	1.5	
15	K49KGT.01	DTK1151010471	Nguyễn Văn	Thanh	07/04/93	5	0	0	
16	K49KGT.01	DTK1151010431	Phạm Xuân	Thế	05/10/93	5	39	1.36	
17	K49KGT.01	K125520103438	Nguyễn Sỹ	Vững	22/12/91	4	40	1.95	
18	K50CVL.01	K145520309024	Hoàng Chung	Đức	13/06/96	2	0	0	
19	K50CVL.01	K145520309019	Trần Quốc	Hùng	14/08/96	2	12	1.17	
20	K50CVL.01	K145520309002	Tạ Văn	Hiệp	25/07/96	2	26	1.35	
21	K50CVL.01	K145520309045	Phạm Đức	Ngọc	04/07/95	2	15	1.93	
22	K50KC.01	K145520103013	Trần Trung	Dũng	17/05/96	2	16	1.38	
23	K50KC.01	K145520103046	Lê Văn	Quân	02/11/96	2	0	0	
24	K50KC.01	K145520103047	Trần Văn	Quý	12/09/96	2	12	1	
25	K50KC.02	K145520103095	Nguyễn Long	Hùng	26/08/96	2	13	1.38	

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
26	K50KC.02	K145520103141	Phạm Quang	Thái	03/11/96	2	2	1	
27	K50KC.03	K145520103165	Trần Mạnh	Dũng	30/06/92	2	0	0	
28	K50KC.04	K145520103247	Phùng Văn	Hùng	07/05/96	2	3	1	
29	K50KC.04	K145520103252	Lý Văn	Hoàng	14/10/96	2	15	2.33	
30	K50KC.05	K145520103330	Bùi Tuấn	Anh	29/05/96	2	12	2.67	
31	K50KC.05	K145520103404	Vũ Thăng	Long	18/08/96	2	8	1.63	

1.3 Bước thời học 13 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách

1	K49CCM.01	K135520103009	Trần Trung	Dũng	10/08/95	3	60	1.38	
2	K47CCM.03	DTK1151010262	Phạm Văn	Tú	22/12/93	5	119	1.99	
3	K47CCM.02	DTK1151010545	Nguyễn Đăng	Cảnh	15/06/93	5	124	1.51	
4	K47CCM.02	DTK1051010670	Ngô Trung	Hiếu	04/12/91	6	73	1.92	
5	K47CCM.04	DTK1051010369	Đặng Huy	Phúc	08/07/92	6	115	1.69	
6	K47CCM.01	DTK0951010757	Lê Quốc	Công	25/04/91	7	53	1.92	
7	K48CLK.01	K125520103415	Nguyễn Văn	Toàn	23/10/93	4	69	1.51	
8	K49KTK.01	K135520103225	Trần Thành	Công	11/10/95	3	43	1.21	
9	K49KTK.01	K135520103261	Nguyễn Thành	Nam	12/05/95	3	46	1.48	
10	K49KTK.01	K135520103355	Lương Văn	Trường	30/12/95	3	52	1.17	
11	K47KCK.01	DTK1151010200	Dương Văn	Sỹ	10/07/93	5	105	1.67	
12	K47KCK.01	DTK1151010576	Nguyễn Văn	Quyết	12/03/93	5	127	1.71	
13	K47KCK.01	DTK1051010035	Nguyễn Mạnh	Huy	07/05/91	6	109	1.49	

2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét

2.1 Bước thời học 22 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu

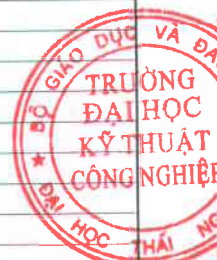
1	K47CCM.01	DTK1151010242	Nguyễn Văn	Mạnh	19/02/93	5	91	1.48	
2	K47KCK.01	DTK1151010002	Hoàng Công	Định	21/06/93	5	52	1.58	
3	K47KCK.01	DTK1151010351	Nguyễn Trung	Huy	12/03/93	5	89	1.47	
4	K48CCM.01	DTK1151010670	Lê Văn	Điệp	27/10/92	5	83	1.57	
5	K48CCM.02	DTK1151010094	Ma Quốc	Thống	15/05/93	5	91	1.32	
6	K48CCM.02	DTK1151010107	Nguyễn Anh	Tuấn	11/09/93	5	91	1.49	
7	K48KCK.01	DTK1151010227	Nguyễn Văn	Bắc	02/03/93	5	42	1.45	
8	K49CCM.01	K135520103038	Phó Chí	Minh	08/09/94	3	56	1.32	
9	K49KGT.01	DTK1151010073	Vũ Mạnh Hùng	Hải	30/04/93	5	36	1.64	
10	K49KGT.01	DTK1151010188	Vy Ngọc	Linh	13/05/93	5	42	1.86	
11	K49KGT.01	DTK1151010315	Đoàn Duy	Tùng	25/02/91	5	19	1.84	
12	K49KTK.01	K125520103448	Ngô Văn	Dương	13/04/94	4	40	1.45	
13	K49KTK.01	K135520103390	Bùi Huy	Hùng	07/03/95	3	28	1.46	
14	K49KTK.01	K135520103483	Phạm Đức	Lợi	11/11/95	3	27	1.59	
15	K49KTK.01	K125520103039	Hoàng Xuân	Sơn	21/08/94	4	58	1.34	
16	K49KTK.01	DTK1151010106	Nguyễn Văn	Tuấn	27/09/93	5	35	1.94	
17	K50CVL.01	K145520309011	Nguyễn Văn	Phước	02/05/96	2	15	1	
18	K50CVL.01	K145520309029	Nguyễn Hà	Quân	25/02/95	2	18	1	
19	K50KC.01	K145520103024	Lê Đình	Hoàng	26/01/96	2	3	1	
20	K50KC.01	K145520103039	Trần Khoa	Nam	20/03/96	2	16	1.13	
21	K50KC.03	K145520103177	Hoàng Minh	Huân	04/04/96	2	5	1	
22	K50KC.04	K145520103293	Nguyễn Hữu Vũ	Thành	19/08/95	2	12	1.17	

2.2 Bước thời học 01 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu

1	K49KTK.01	DTK1151010336	Lê Anh	Dân	20/08/93	5	50	1.58	
---	-----------	---------------	--------	-----	----------	---	----	------	--

2.3 Cầu xét 34 sinh viên thuộc hai diện trên

1	K47CCM.01	DTK1151010606	Dương Văn	Chiến	22/09/93	5	79	1.81	
2	K47CCM.01	DTK1151010213	Nguyễn Trí	Tuấn	11/12/93	5	91	1.75	
3	K47CCM.02	DTK1151010253	Lương Thanh	Tâm	14/07/93	5	67	1.81	
4	K47CCM.02	DTK1051010156	Đàm Quốc	Tuấn	05/04/92	6	125	1.73	
5	K47CCM.03	DTK1051010886	Ngô Văn	Đắc	02/05/92	6	87	1.94	
6	K47CCM.03	DTK1051010327	Nguyễn Thành	Công	28/08/92	6	122	1.68	
7	K47CCM.03	DTK1051010490	Hoàng Sỹ	Cường	10/10/92	6	109	1.62	
8	K47CCM.04	DTK0951010544	Bùi Đình	Du	09/03/90	7	119	1.63	
9	K47CCM.04	DTK1151010367	Trần Xuân	Thế	03/09/92	5	120	1.93	
10	K47KCK.01	DTK1151010056	Nguyễn Hữu	Đoàn	02/03/93	5	92	1.59	
11	K47KCK.01	DTK1151010224	Nguyễn Dương Tuấn	Anh	28/11/93	5	83	1.75	
12	K47KCK.01	DTK1151010660	Trần Văn	Bồi	22/06/90	5	114	1.64	



STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
13	K47KCK.01	DTK1151010624	Phạm Việt	Hòa	28/09/93	5	94	1.62	
14	K47KCK.01	DTK1151010632	Nông Hoàng	Nam	12/01/93	5	109	1.56	
15	K47KCK.01	DTK1151010033	Bùi Xuân	Nam	30/06/93	5	128	1.69	
16	K47KCK.01	DTK1151010196	Bế Hồng	Quân	17/10/93	5	118	1.65	
17	K47KCK.01	DTK1151010577	Phan Trường	Sơn	19/08/93	5	115	1.58	
18	K47KCK.01	DTK1151010697	Hoàng Đình	Thịnh	13/09/93	5	127	1.61	
19	K48CCM.01	DTK1151010442	Vũ Văn	Hương	30/10/93	5	116	1.59	
20	K48CCM.02	DTK1151010217	Nguyễn Đức	Đáng	11/04/93	5	118	1.55	
21	K48CLK.01	K125520103336	Ngô Phương	Duy	18/05/94	4	95	1.55	
22	K48CLK.01	K125520103028	Nguyễn Trung	Kiên	05/12/94	4	105	1.62	
23	K48CLK.01	K125520103202	Nguyễn Hoàng	Lưu	06/10/91	4	71	1.63	
24	K48KCK.01	K125520103425	Ngô Trung	Đức	25/04/94	4	91	1.58	
25	K48KCK.01	K125520103016	Lăng Hồng	Hải	22/02/94	4	87	1.56	
26	K48KCK.01	DTK1151010718	Trần Văn	Mạnh	16/11/93	5	80	1.76	
27	K48KCK.01	K125520103414	Nguyễn Văn	Toàn	17/02/94	4	90	1.57	
28	K49CCM.02	K135520103185	Dương Xuân	Khu	04/10/95	3	63	1.63	
29	K49CCM.03	K125520103281	Phạm Văn	Huy	25/09/93	4	53	1.74	
30	K49KGT.01	K135520103279	Lê Đức	Thuận	25/07/93	3	29	1.83	
31	K49KTK.01	K135520103307	Hoàng Văn	Đạt	11/11/95	3	32	1.53	
32	K49KTK.01	K135520103099	Bùi Xuân	Huân	30/04/93	3	54	1.41	
33	K49KTK.01	K135520103211	Trịnh Xuân	Tiến	18/04/94	3	32	1.72	
34	K49KTK.01	K125520103405	Nguyễn Văn	Tiến	17/07/92	4	43	1.77	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP


Mai Huy Toàn



TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Đặng Danh Hoàng



KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Kinh tế Công nghiệp

(Kèm theo thông báo số 54/TB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách									
1.1 Buộc thôi học 02 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp									
1	K50KTN.01	K145510604012	Hoàng Vũ	Giang	20/07/95	2	11	1.18	
2	K48QLC.01	K125510601003	Mã Thị Phương	Chi	29/10/94	4	13	1.15	
1.2 Buộc thôi học 06 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ									
1	K50QLC.01	K145510601028	Hứa Thị	Vinh	02/11/96	2	2	1	
2	K50KTN.01	K145510604037	Lê Văn	Sơn	20/10/96	2	6	1.67	
3	K49QTN.01	K135510604071	Nguyễn Thị	Hiền	16/09/94	3	35	2.83	
4	K49KTN.01	K125510604015	Nguyễn Trung	Kiên	03/11/94	4	33	1.39	
5	K49QTN.01	K125580205053	Nguyễn Văn	Thiết	25/02/93	4	42	2.07	
6	K48QLC.01	DTK1151070107	Lê Văn	Anh	19/12/93	5	37	1.32	
1.3 Buộc thôi học 0 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách									
2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét									
2.1 Buộc thôi học 0 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu									
2.2 Buộc thôi học 0 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu									
2.3 Cứu xét 02 sinh viên thuộc hai diện trên									
1	K48KTN.01	K125510604098	Trần Thanh	Sơn	25/01/93	4	77	1.51	
2	K48KTN.01	K125510604006	Phùng Thị Yến	Hằng	09/04/94	4	85	2.05	Tự ý bỏ học

NGƯỜI LẬP


Mai Huy Toàn

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016

TS. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Đặng Danh Hoàng

KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Kỹ thuật ô tô & Máy động lực

(Kèm theo thông báo số 57/ITB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách									
1.1 Bước thời học 06 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp									
1	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205027	Nguyễn Hữu	Hoàng	19/05/96	2	0	0	
2	K50CĐL.01	K145520103070	Nguyễn Kim	Trọng	17/08/96	2	4	1.5	
3	K49CĐL.01	K135520103014	Lê Quang	Đức	27/08/94	3	55	1.35	
4	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK1151010248	Mẫn Quốc	Phong	11/04/93	5	31	1.97	
5	K47CĐL.01	DTK1151010650	Vũ Xuân	Tính	02/02/93	5	73	1.6	
6	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK0951010804	Lê Đức	Tho	15/02/91	7	85	1.49	
1.2 Bước thời học 08 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ									
1	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205064	Hoàng Đức	Hung	30/12/96	2	10	1	
2	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205041	Ngô Tuấn	Phương	06/04/96	2	10	3	
3	K50CĐL.01	K145905218002	Hoàng Văn	Anh	20/11/96	2	10	1	
4	K47CĐL.01	DTK1151010084	Trương Văn	Mỹ	04/08/90	5	91	1.56	
5	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK1051010337	Lâm Khánh	Duy	05/09/92	6	42	1.31	
6	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK1051010355	Đình Văn	Huân	17/12/90	6	64	1.55	
7	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK0851010313	Trần Như	Định	19/03/89	8	87	1.79	
8	K1 CN-KTO.01 (K49)	11110710106	Đỗ Quốc	Huy	03/01/89	9	59	1.64	
1.3 Bước thời học 02 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách									
1	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK1051010547	Nguyễn Viết	Tiến	06/09/92	6	70	1.61	
2	K1 CN-KTO.01	DTK0951010718	Đình Văn	Long	19/05/91	7	54	1.44	
2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét									
2.1 Bước thời học 08 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu									
1	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK1151010080	Nguyễn Cơ	Khoa	18/08/93	5	59	1.59	
2	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205021	Ninh Ngọc	Dũng	09/02/96	2	22	1	
3	K47CĐL.01	DTK1151010565	Nguyễn Văn	Kiểm	28/10/93	5	77	1.27	
4	K47CĐL.01	DTK1151010512	Trịnh Văn	Quân	16/05/92	5	64	1.47	
5	K48CĐL.01	DTK1151010082	Nguyễn Văn	Liêm	12/03/93	5	45	1.44	
6	K49CĐL.01	K135520103311	Nông Văn	Hồng	10/01/95	3	57	1.32	
7	K50CĐL.01	K145520103308	Nhiếp Đình	Khánh	01/09/96	2	19	1.37	
8	K50CĐL.01	K145520103106	Đình Công	Khởi	21/09/96	2	14	1	
2.2 Bước thời học 0 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu									
2.3 Cứu xét 06 sinh viên thuộc hai diện trên									
1	K1 CN-KTO.01 (K49)	DTK0951010334	Nguyễn Trọng	Hung	17/06/90	7	104	1.7	
2	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205070	Lương Văn	Chiến	16/06/96	2	31	1.13	
3	K2 CN-KTO.01 (K50)	K145510205049	Nguyễn Lương	Tùng	16/11/96	2	21	1.29	
4	K47CĐL.01	DTK1051010701	Nguyễn Huyền	Thắng	14/02/92	6	116	1.66	
5	K48CĐL.01	DTK1151010003	Hoàng Long	An	09/02/93	5	93	1.55	
6	K49CĐL.01	K135520103287	Trương Anh	Tuấn	11/09/95	3	72	1.39	

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016

NGƯỜI LẬP


Mai Huy Toàn

TL. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
TS. Đặng Danh Hoàng

KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Sư phạm Kỹ thuật

(Kèm theo thông báo số 54/TB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách									
1.1 Buộc thôi học 05 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp									
1	K2 CN-ĐĐT.01 (K50)	K145510301053	Khổng Văn	Lơ	11/10/96	2	10	1	
2	K49SCK.01	K125140214018	Dương Minh	Thành	05/08/94	4	19	1.63	
3	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1151020127	Đoạn Kim	Duy	09/05/93	5	42	1.62	
4	K1 CN-ĐĐT.02 (K49)	DTK0951020497	Nông Thanh	Tùng	09/01/91	7	103	1.52	
5	K1 CN-CTM.01 (K49)	11110710635	Nguyễn Bá	Khải	16/10/89	9	49	1.98	
1.2 Buộc thôi học 14 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ									
1	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	K145510301127	Nguyễn Hữu	Phước	17/03/96	2	0	0	
2	K2 CN-CTM.01 (K50)	K145510202037	Lưu Văn	Hồng	15/02/96	2	7	1	
3	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	K145510301111	Hoàng Văn	Thi	01/10/96	2	12	1.83	
4	K2 CN-CTM.01 (K50)	K145510202050	Lê Hoàng	Vũ	19/07/96	2	25	2.04	
5	K1 CN-ĐĐT.02 (K49)	DTK1151030247	Đỗ Đức	Kiên	28/02/93	5	23	1.61	
6	K1 CN-ĐĐT.02 (K49)	DTK1151020044	Hà Văn	Thịnh	22/06/93	5	24	1.88	
7	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1151020460	Nguyễn Thị	Tứ	12/06/93	5	60	2.35	
8	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1051040024	Vũ Văn	Hường	02/08/92	6	36	2.28	
9	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1051030070	Ma Văn	Xiêm	11/11/90	6	54	1.5	
10	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK0951030143	Liều Văn	Tuân	13/03/90	7	63	1.7	
11	K1 CN-ĐĐT.03 (K49)	DTK0951020327	Ngô Sỹ	Nguyên	19/04/90	7	70	1.64	
12	K1 CN-CTM.01 (K49)	DTK0851010158	Nguyễn Văn	Đỗ	19/06/89	8	93	1.65	
13	K1 CN-ĐĐT.03 (K49)	11110750284	Vũ Văn	Tuyên	18/03/88	9	65	2.23	
14	K1 CN-CTM.01 (K49)	1111061195	Lê Nguyên	Lượng	05/03/88	10	93	1.97	
1.3 Buộc thôi học 0 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách									
2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét									
2.1 Buộc thôi học 09 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu									
1	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK0951020097	Đinh Công	Hường	07/07/89	7	48	1.5	
2	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	11110740274	Trịnh Minh	Hùng	22/12/89	9	62	1.77	
3	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1051020068	Nguyễn Mạnh	Tùng	27/07/92	6	45	1.49	
4	K1 CN-ĐĐT.02 (K49)	DTK1051020633	Tống Văn	Hưng	15/02/92	6	68	1.37	
5	K2 CN-ĐĐT.01 (K50)	K145510301048	Lê Văn	Việt	15/11/95	2	7	1	
6	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	K145510301081	Phạm Đỗ Việt	Hùng	21/09/96	2	8	1.38	
7	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	K145510301122	Đỗ Kiên	Tuyến	24/08/96	2	27	1	
8	K49SCK.01	K135140214027	Đỗ Mạnh	Cường	15/01/95	3	34	1.26	
9	K50SK.01	K145140214005	Nguyễn Đức	Tùng	23/06/95	2	9	1	
2.2 Buộc thôi học 0 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu									
2.3 Cứu xét 07 sinh viên thuộc hai diện trên									
1	K1 CN-ĐĐT.02 (K49)	DTK0951020162	Phùng Công	Huân	21/06/89	7	110	1.84	
2	K1 CN-ĐĐT.03 (K49)	DTK0951020158	Vũ Thanh	Hà	13/12/91	7	98	1.65	
3	K1 CN-CTM.01 (K49)	DTK0851010448	Lê Văn	Chung	03/01/90	8	100	2.29	Tự ý bỏ học
4	K1 CN-ĐĐT.01 (K49)	DTK1051030168	Tạ Văn	Huân	20/09/91	6	62	1.95	Tự ý bỏ học
5	K2 CN-ĐĐT.01 (K50)	K145510301041	Lê Tuấn	Việt	21/02/94	2	15	1.4	
6	K2 CN-ĐĐT.02 (K50)	K145510301069	Giáp Ngọc	Cảnh	05/08/96	2	24	1.25	
7	K2 CN-CTM.01 (K50)	K145510202038	Nguyễn Đình	Trong	16/04/95	2	8	1.75	

NGƯỜI LẬP

Mai Huy Toàn

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016



KẾT QUẢ XÉT TIẾN ĐỘ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2015 - 2016

Khoa Xây dựng Môi trường

(Kèm theo thông báo số 54/ITB-ĐHKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2016)

STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
1. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ không có đơn cứu xét và những sinh viên không vượt qua được 01 học kỳ thử thách									
1.1 Bước thời học 03 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp									
1	K50KXC.01	K145580201033	Quân Văn	Trọng	07/09/96	2	5	1.6	
2	K50KXC.01	K145580201038	Tô Xuân	Cường	02/08/96	2	8	2.38	
3	K50KXC.01	K145580201010	Hoàng Ngọc	Duy	15/10/96	2	13	1	
1.2 Bước thời học 19 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ									
1	K47KXC.01	DTK1051040091	Huỳnh Tiến	Đại	10/10/92	6	86	2.09	
2	K47KXC.01	DTK1051040072	Lục Văn	Trung	16/07/91	6	112	1.67	
3	K47KXC.02	DTK1051040100	Nguyễn Thị	Hồng	15/11/92	6	91	1.75	
4	K47KXC.02	1141100002	Lò Văn	Khải	05/03/90	6	71	1.54	SV cử tuyển
5	K48KXC.01	DTK1151040016	Dương Văn	Đặng	29/05/92	5	54	1.31	
6	K48KXC.01	DTK1151040021	Nguyễn Xuân	Giang	10/01/91	5	70	1.64	
7	K48KXC.01	K125580201066	Ngô Xuân	Trường	14/11/93	4	54	1.8	
8	K48KXC.02	DTK1151040131	Lê Quang	Chiến	12/08/89	5	31	1.65	
9	K48KXC.02	DTK1151040095	Lê Quang	Linh	20/12/93	5	60	1.68	
10	K48KXC.02	K125580201134	Nguyễn Văn	Thành	30/10/94	4	51	1.37	
11	K48KXC.02	K125580201144	Hoàng Đế	Thiên	21/01/93	4	17	1.65	
12	K48KXC.02	DTK1151040115	Lương Văn	Tùng	10/09/93	5	49	1.67	
13	K48KXC.01	K125580205016	Bùi Văn	Giang	02/11/93	4	63	1.84	
14	K49KTM.01	K135520320002	Trần Thế	Anh	02/05/95	3	29	1.72	
15	K49KXC.01	K135580201034	Lự Văn	Nhiên	17/06/94	3	34	1.35	
16	K49KXC.02	K135580201053	Ma Đức	Anh	02/06/95	3	36	1.75	
17	K50KTM.01	K145520320098	Trần Thị Khánh	Linh	14/05/96	2	12	1.83	
18	K50KXC.01	K145580201043	Lò Văn	Huy	24/01/92	2	5	1.6	
19	K50KXC.01	K145580201055	Châu A	Thành	15/07/95	2	12	1.83	
1.3 Bước thời học 04 sinh viên thuộc diện không vượt qua được học kỳ thử thách									
1	K49KXC.01	K135580201018	Vương Văn	Hải	26/06/95	3	32	1.44	
2	K48KXC.01	1141100023	Đinh Văn	Xuyên	30/10/90	6	46	1.46	
3	K47KXC.01	DTK1051040124	Vương Đức	Nghĩa	16/07/92	6	121	1.98	
4	K47KXC.01	DTK0951040080	Hoàng Văn	Độ	01/01/90	7	112	1.56	
2. Sinh viên bị cảnh báo 3 học kỳ liên tiếp và/hoặc tự ý bỏ học 01 học kỳ có đơn cứu xét									
2.1 Bước thời học 10 sinh viên thuộc diện bị cảnh báo 03 học kỳ liên tiếp do học lực quá yếu									
1	K47KXC.02	DTK1151040099	Triệu Văn	Ngân	20/06/93	5	68	1.56	
2	K48KXC.01	DTK1151040020	Nguyễn Minh	Đức	05/08/92	5	86	1.43	
3	K48KXC.01	DTK1151040038	Bùi Danh	Ngọc	26/08/93	5	39	1.18	
4	K48KXC.02	DTK1051040183	Lê Văn	Trung	01/10/92	6	30	1.97	
5	K48KXC.01	K125580205005	Dương Văn	Cường	16/04/94	4	79	1.41	
6	K49KXC.01	K135580201111	Lưu Viết	Bằng	04/10/94	3	61	1.34	
7	K49KXC.01	K135580201116	Nguyễn Đức	Chương	30/05/94	3	64	1.38	
8	K49KXC.02	K135580201093	Nông Văn	Thuật	23/07/95	3	13	1.38	
9	K50KTM.01	K145520320058	Phạm Duy	Tùng	23/06/96	2	5	1.6	
10	K50KTM.01	K145520320088	Phạm Lâm	Tùng	26/09/96	2	8	1.25	
2.2 Bước thời học 01 sinh viên thuộc diện tự ý bỏ học 01 học kỳ do học lực quá yếu									
1	K49KXC.01	K135580201017	Hoàng Việt	Hà	07/04/95	3	34	1.47	
2.3 Cứu xét 10 sinh viên thuộc hai diện trên									
1	K48KTM.01	K125520320041	Ma Thị	Như	09/12/94	4	79	1.47	
2	K48KTM.01	K125520320086	Ngô Văn	Tuệ	14/03/93	4	94	1.57	
3	K48KXC.01	K125580201022	Hoàng Việt	Hung	04/07/94	4	43	1.63	Bổ sung đơn
4	K48KXC.01	K125580201017	Trần Tuấn	Hùng	04/02/94	4	67	1.7	
5	K48KXC.01	K125580201056	Dương Văn	Thiên	27/11/94	4	56	1.75	
6	K48KXC.02	DTK1151040076	Trần Hải	Đặng	28/07/93	5	98	1.65	



STT	Lớp sinh viên	Mã số sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày tháng năm sinh	Năm thứ	Tổng số TC tích lũy	Điểm TB chung tích lũy	Ghi chú
7	K48KXG.01	K125580205006	Hà Đại	Hải	26/10/93	4	54	1.54	
8	K48KXG.01	K125580205011	Hoàng Hải	Nam	20/07/94	4	64	1.42	
9	K49KTM.01	K135520320021	Nguyễn Hoàng	Hải	02/11/95	3	48	1.48	
10	K50KXC.01	K145580201026	Bùi Văn	Manh	08/03/95	2	10	1.6	

NGƯỜI LẬP



Mai Huy Toàn

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 3 năm 2016



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Đặng Danh Hoàng

